TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2020
V/v Ly hôn giữa anh Đặng Văn T
và chị Trần Thị T1

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Xuân Chiến.

Ông Trần Xuân Thu.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đặng Văn T; sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm X, xã A, huyện G, tỉnh N; "có mặt".

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị T1; sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm X, xã A, huyện G, tỉnh N; "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03- 7- 2020 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Đặng Văn T trình bày: Anh và chị Trần Thị T1 qua sự tìm hiểu thống nhất và tự nguyện đi đến kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã A, huyện G, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06 - 12- 2019. Sau đó, vợ chồng được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được gần 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tìm hiểu nhau chưa kĩ nên khi về chung sống cùng nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm về chuyện tiền bạc, Th cách

không hợp nhau.Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6- 2020 cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể đoàn tụ, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị T1.

Tại bản tự khai ngày 13- 7- 2020 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là chị Trần Thị T1 trình bày: Chị và anh Đặng Văn T qua sự tìm hiểu thống nhất và tự nguyện đi đến kết hôn, đã được Uỷ ban nhân dân xã A, huyện G, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06- 12- 2019. Sau đó, vợ chồng được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thời gian tìm hiểu trước khi tiến tới hôn nhân quá ngắn nên khi về chung sống cùng nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Nay anh T đề nghị ly hôn, chị T1 muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm thêm lần nữa nên anh T đề nghị ly hôn, chị không nhất trí.

- Về con: Vợ chồng thống nhất trình bày không có con chung, con riêng. Hiện nay, chị T1 không có thai.

- Về tài sản: Anh T và chị T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 24- 7- 2020, đại diện đoàn thể cũng như đại diện chính quyền xã A cung cấp: Anh Đặng Văn T và chị Trần Thị T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện G, tỉnh N vào ngày 06- 12- 2019. Sau đó, vợ chồng được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương và về chung sống cùng gia đình nhà anh T. Vợ chồng mới lấy nhau, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn địa phương không nắm được. Nay anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị T1, đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của vợ chồng theo quy định của pháp luật. Chị T1 hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm X, xã A, huyện G, tỉnh N, chưa cắt chuyển khẩu đi đâu. Vợ chồng không có con chung, con riêng; không vướng mắc gì về kinh tế, tài sản đối với tập thể.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T1 là hợp pháp, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng khả năng đoàn tụ không còn, nên có đủ cơ sở để giải quyết ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn T và chị Trần Thị T1 đã tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện G, tỉnh N vào ngày 06- 12- 2019 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được gần 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tìm hiểu nhau chưa kĩ nên khi về chung sống cùng nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm về chuyện tiền bạc, Th cách không hợp nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 - 2020 cho đến nay. Chị T1 không nhất trí ly hôn với anh T nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và

chị T1 mâu thuẫn đã trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy chấp nhận nguyện vọng của anh Đặng Văn T xin ly hôn chị Trần Thị T1 là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con: Anh T và chị T1 không có con chung, con riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét điều chỉnh.

[3] Về tài sản: Anh T và chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét điều chỉnh.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử ly hôn giữa anh Đặng Văn T và chị Trần Thị T1.

2. Về án phí: Anh Đặng Văn T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu số 0001293 ngày 07- 7- 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy nay được chuyển thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh T và chị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Lâm